

Số 125/KHGDNT-THCSNH

Nà Hỡ, ngày 13 tháng 8 năm 2025

KẾ HOẠCH
Giáo dục nhà trường năm học 2025 - 2026

I. NHỮNG CĂN CỨ ĐỂ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Căn cứ pháp lý:

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII;

Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo;

Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Nghị quyết số 88/2014/QH13, ngày 28/11/2014 của quốc hội về đổi mới chương trình, SGK giáo dục phổ thông và quyết định của Thủ Tướng chính phủ phê duyệt đề án đổi mới chương trình SGK giáo dục phổ thông;

Luật số 73/2025/QH15, ngày 16/6/2025 của Quốc hội về Luật Nhà giáo;

Quyết định số 404/QĐ-TTg, ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Thủ Tướng Chính phủ về việc tổ chức dạy học 02 buổi/ ngày và tổ chức sinh hoạt hè cho trẻ em, học sinh;

Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình giáo dục phổ thông;

Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT, ngày 29/01/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật.

Văn bản số 5512/BGDĐT-GDTrH, ngày 18/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng và thực hiện Kế hoạch giáo dục của nhà trường;

Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT, ngày 20/7/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định đánh giá học sinh THCS và THPT;

Thông tư số 03/2023/TT-BGDĐT ngày 6 tháng 02 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Phổ thông dân tộc bán trú;

Quyết định số 2269/QĐ-BGDĐT ngày 11 tháng 8 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành khung Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Quyết định số 1812/QĐ-UBND, ngày 13/8/2025 của UBND tỉnh Điện Biên Ban hành kế hoạch thời gian năm học 2025 – 2026 đối với Giáo dục Mầm non, Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Công văn số 4567/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức dạy học 02 buổi/ ngày đối với giáo dục phổ thông năm học 2025-2026;

Công văn số 2540/SGDĐT-GDTrH ngày 24/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn một số nội dung tổ chức dạy học 02 buổi/ ngày đối với giáo dục phổ thông;

Công văn số 2604/SGDĐT- GDTrH ngày 29/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên về việc hướng dẫn nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2025 – 2026;

Công văn số 2611/SGDĐT-QLĐT ngày 29/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên về việc hướng dẫn triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026 đối với công tác học sinh, sinh viên;

Công văn số 1126/UBND-VHXXH ngày 05/12/2025 của UBND xã Nà Hỳ hướng dẫn thực hiện chi trả chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo giảng dạy học sinh khuyết tật trên địa bàn xã Nà Hỳ;

Quyết định số 139/QĐ-THCSNH ngày 26 tháng 8 năm 2025 của trường PTDTBT THCS Nà Hỳ về phân công nhiệm vụ đối với CBCNV trường PTDTBT THCS Nà Hỳ năm học 2025-2026;

Quyết định số 139a/QĐ-THCSNH ngày 26 tháng 8 năm 2025 của trường PTDTBT THCS Nà Hỳ về phân công nhiệm vụ giảng dạy, chủ nhiệm học sinh khuyết tật hòa nhập năm học 2025-2026;

Qui chế hoạt động trường PTDTBT THCS Nà Hỳ.

2. Căn cứ thực trạng nhà trường

2.1. Thuận lợi - khó khăn

2.1.1. Thuận lợi

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm và chỉ đạo sát sao của Phòng GD&ĐT xã Nậm Pồ, sự quan tâm của cấp ủy Đảng, Chính quyền Địa phương, sự phối hợp của trường Tiểu học, Mầm non đóng trên địa bàn.

Đội ngũ cán bộ giáo viên đa số có tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỉ luật, yêu thương học sinh. Có năng lực phẩm chất tốt, có trình độ, có lòng yêu nghề, có tinh thần đoàn kết tương trợ giúp đỡ lẫn nhau.

Có nhiều giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp cơ sở .

Cơ sở vật chất đã được trang bị tương đối đầy đủ lớp học và một số trang thiết bị bước đầu đáp ứng yêu cầu dạy và học đạt chất lượng tốt hơn. Học sinh tiếp tục nhận được sự hỗ trợ của nhà nước về các chế độ chi phí học tập, cấp bù học phí, Chế độ đối với học sinh bán trú.

Nhận thức về sự học của nhân dân trên địa bàn được nâng lên, đa số học sinh chăm ngoan chịu khó học tập, chấp hành tốt nội qui của nhà trường.

2.1.2. Khó khăn

Cơ sở vật chất còn nhiều khó khăn. Trang thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy còn hạn chế.

Giáo viên tuổi đời và tuổi nghề còn trẻ nên kinh nghiệm giảng dạy và giáo dục học sinh còn nhiều hạn chế. Một số giáo viên chưa tâm huyết với nghề.

Học sinh chủ yếu là con em các dân tộc ít người, hoàn cảnh kinh tế còn nhiều khó khăn dẫn đến điều kiện học tập còn gặp rất nhiều hạn chế, cần được sự quan tâm của các cấp các ngành.

Học sinh vào lớp 6 qua con đường xét tuyển nên chất lượng đầu vào thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu trong việc đổi mới phương pháp dạy học.

Kinh phí chi cho sự nghiệp giáo dục tuy có tăng song vẫn chưa đủ đáp ứng cho nhu cầu thực tế.

Công tác xã hội hoá giáo dục còn nhiều hạn chế; hoạt động xã hội hoá giáo dục chưa được thúc đẩy và tiến hành thường xuyên..

2.2. Những thành tích của nhà trường năm học trước

2.2.1. Danh hiệu thi đua năm học 2024-2025

+ Tập thể: Trường được UBND xã công nhận trường LĐTT, UBND xã Nà Hy tặng Giấy khen.

Được UBND tỉnh tặng Bằng khen và Chính phủ tặng cờ thi đua xuất sắc năm học 2024-2025.

+ Cá nhân

- Bằng khen của UBND tỉnh: 02 đ/c
- UBND xã khen: 10 đ/c
- Lao động tiên tiến: 49 đ/c
- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở 7 đ/c.

2.2.2. Chất lượng học sinh năm học 2024 – 2025

- Học tập:

Loại \ Năm học	2023-2024	2024-2025	So sánh kết quả với năm học trước
Giỏi	57/577= 9,9%	67/602= 11,1%	Tăng 1,2%
Khá	206/577= 35,7%	219/602= 36,4%	Tăng 0,7%
Trung bình	301/577 = 52,1 %	305/602 = 50,7 %	Giảm 1,4% đánh giá theo CTGD 2018
Yếu	12/577= 2%	11/602= 1,8%	Giảm 0,2 % đánh giá theo CTGD 2018

- Rèn luyện:

Loại \ Năm học	2023-2024	2024-2025	So sánh kết quả với năm học trước
Tốt	486/577= 84,2%	511/602= 84,88%	Tăng 0,66%
Khá	83/577= 14,4%	76/602= 12,62%	Giảm 1,78% do tăng loại Tốt
Trung bình	7/577 = 1,4%	15/602 = 2,49%	Tăng 1,09% do đánh giá theo CTGD 2018

Chất lượng các cuộc thi

* Học sinh Giỏi cấp huyện các môn văn hóa

Năm học	Tổng số	Giải nhất cấp tỉnh, huyện	Giải nhì cấp tỉnh, huyện	Giải ba cấp tỉnh, huyện	Giải KK cấp tỉnh huyện
---------	---------	---------------------------	--------------------------	-------------------------	------------------------

		HS	%	HS	%	HS	%	HS	%
2023-2024	12/17	2	11,8	2	11,8	4	23,5	4	23,5
2024-2025	6/12	1	8,33	2	16,66	1	8,33	2	16,66

Tỉ lệ học sinh đạt giải năm học 2024-2025 giảm 01 giải cấp tỉnh so với năm học 2023-2024, do thi theo chương trình GDPT 2018

* Thi Khoa học kỹ thuật cấp huyện

Năm học	Tổng số giải	Giải nhất		Giải nhì		Giải ba		Giải KK	
		SP	%	SP	%	SP	%	SP	%
2023-2024	2/2	0	0	0	0	0	0	2	100
2024-2025	2/2	0	0	0	0	0	0	2	100

* Thi Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng cấp huyện

Năm học	Tổng số giải	Giải nhất		Giải nhì		Giải ba		Giải KK	
		SP	%	SP	%	SP	%	SP	%
2023-2024	1/1	0	0	0	0	01	100	0	0
2024-2025	1/1	0	0	0	0	01	100	01	100

Tỷ lệ huy động: tỷ lệ huy động trẻ 11 tuổi ra lớp đạt 100% (tăng so với kế hoạch 1%); tỷ lệ trẻ 11-14 tuổi học THCS đạt 99,07% (tăng 0,07% so với chỉ tiêu kế hoạch giao).

Công tác chỉ đạo nâng cao chất lượng giáo dục được quan tâm đúng mức. Nhà trường đã có nhiều giải pháp để nâng cao chất lượng học sinh. Cuối năm học 2024-2025, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS đạt 100%, tỷ lệ học sinh chuyển lớp đạt 100%, có 16 học sinh lớp 9 thi đỗ vào trường PTDT nội trú tỉnh Điện Biên, 01 em trường Chuyên Lê Quý Đôn, 01 em đỗ Trường THPT Lương Thế Vinh, 19 học sinh thi đỗ vào trường PTDT nội trú tỉnh Điện Biên, và có 41 học sinh đỗ vào trường PTDT Nội trú THPT Nà Hỳ, THPT Nà Hỳ là 60 học sinh, được sở GD&ĐT tỉnh Điện Biên đánh giá chất lượng học sinh thi vào 10 đứng thứ 21/123 trường THCS trong toàn tỉnh.

Trường đạt kiểm định chất lượng mức độ 2 và đạt chuẩn quốc gia mức độ 1. Theo Quyết định: 977/QĐ-SGDĐT của Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Điện Biên.

Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên: 52, trong đó: 3 CBQL, 37 giáo viên và 12 nhân viên, trong đó 100% giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn trong đó: Trên chuẩn 01 đạt 4%; đạt chuẩn 42 đạt 96%.

Nhà trường có cơ sở vật chất tương đối đảm bảo: Cụ thể 20 phòng học kiên cố đạt 100%. Phòng học bộ môn, phòng phục vụ học tập 06 phòng (kiên cố 03 phòng đạt 50%) Bán kiên cố 03 phòng đạt 50%. Số phòng công vụ 05 phòng (bán kiên cố 05 phòng đạt 100%). Số phòng nội trú hiện có 43 phòng bán kiên cố 43 phòng đạt 100%).

2.2.3. Chất lượng đội ngũ:

- Giáo viên giỏi cấp Tỉnh: 02
- Giáo viên giỏi cấp huyện: 17
- Chuẩn nghề nghiệp GV loại Tốt: 27, Khá: 10
- Chuẩn hiệu trưởng: 01 tốt; chuẩn Phó HT: 02 Tốt.

2.3. Đội ngũ CBGVNV (Tính đến thời điểm hiện tại)

	T.số	Nữ	D T	Trình độ đào tạo				Đoàn thể			Cần bổ sung
				Th s	Đ H	C Đ	T C	T C LL	Đảng viên	Đoàn viên	
CBGV-NV	52	32	36	1	41	0	3	9	28	6	
- Ban giám hiệu	3		1	1	2			3	3		
- Giáo viên	37	17	26		17			6	16	1	
- N.viên	12	9	11		3		3			3	
Thư viện	1		1		1	1					
Văn Thư	1		1				1				
Bảo vệ	1		1							1	
HC-KT-Y tế	2	2	2		1		1		1		
CB TV-TB	1		1				1				
Nhân viên Phục vụ	6	5	3							2	
T. phụ trách Đội	1	1	1		1						

3. Bồi cảnh giáo dục

3.1. Bối cảnh bên ngoài

3.1.2 Thời cơ

Trong bối cảnh nền kinh tế ngày càng phát triển của tỉnh Điện Biên nói chung xã Nà Hỳ nói riêng cơ sở hạ tầng có sự chuyển biến vượt bậc. Đứng trước sự bùng nổ về khoa học và thông tin, văn hóa xã hội phát triển mạnh, Giáo dục xã Nà Hỳ đang có sự thay đổi mới. Trường PTDTBT THCS Nà Hỳ có nhiều cơ hội để phát triển sánh vai với các trường ở khu vực cũng như vươn xa hơn ra bên ngoài.

3.1.2. Thách thức

Là một trường ở vùng đặc biệt khó khăn, đứng trước sự đổi mới quyết liệt của giáo dục đây chính là một thách thức để nhà trường khẳng định Giá trị cốt lõi so với các trường khác.

3.2 Bối cảnh bên trong

3.2.1. Mặt mạnh

- Cơ sở vật chất tiếp tục được đầu tư xây dựng, trường lớp khang trang.
- Trường duy trì các tiêu chí trường đạt chuẩn quốc gia, trường đạt mức chất lượng tối thiểu.

3.2.2. Mặt yếu

- Tỷ lệ học sinh đi học không chuyên cần vào các ngày cuối tuần thấp; chất lượng đầu vào thấp. Ý thức học tập, rèn luyện của học sinh chưa cao nhất là vào các buổi học chiều.
- Chất lượng, năng lực đội ngũ còn hạn chế trong việc thực hiện yêu cầu công việc.

4. Môi trường kinh tế - xã hội

Xã Nà Hỳ là xã 135, xã biên giới; phía bắc giáp Mường Chà, phía nam giáp xã Nà Búng, phía tây giáp xã Na Cô Sa, phía đông giáp nước CHDCND Lào;

Xã Nà Hỳ, được tái cấu trúc từ sự sáp nhập của các xã Nà Khoa, Nậm Nhừ, Nậm Chua và Nà Hỳ cũ theo Nghị quyết số 1661/NQ-UBTVQH15, đã chính thức hoạt động từ ngày 1/7/2025. Việc sáp nhập không chỉ là sự thay đổi về địa giới hành chính mà còn đánh dấu một bước ngoặt quan trọng, tạo điều kiện để xã Nà Hỳ tập trung nguồn lực, tối ưu hóa quản lý và khai thác tiềm năng phát triển. Với vị trí nằm ở khu vực biên giới, xã Nà Hỳ mang trong mình vai trò chiến lược và những cơ hội độc đáo để phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội.

Sau sáp nhập, xã Nà Hỳ sở hữu diện tích tự nhiên rộng lớn, khoảng 450 km²,

với dân số ước tính hơn 7.000 người, chủ yếu là đồng bào dân tộc Kháng, Khơ Mú, Mông và Thái, Dao. Quy mô này giúp xã có điều kiện thuận lợi để triển khai các dự án phát triển đồng bộ, từ nông nghiệp đến du lịch. Địa bàn xã rộng, nhiều điểm bản xa, đường xá đi lại khó khăn, chủ yếu sống tự cung tự cấp dựa vào nền kinh tế nông nghiệp là chính. Trình độ dân trí còn thấp và không đồng đều phong tục tập quán còn nhiều lạc hậu. Một số bản còn chưa phủ sóng điện thoại, tỷ lệ hộ nghèo còn cao.

Trong những năm qua, kinh tế - xã hội của xã đã có bước phát triển hơn, đời sống của nhân dân các dân tộc trong xã từng bước được cải thiện nhưng do xuất phát điểm thấp cho nên Nà Hỳ vẫn là một xã còn nhiều hộ nghèo với 29 bản đặc biệt khó khăn, trình độ dân trí còn thấp, đời sống của nhân dân còn khó khăn. những năm qua, cùng với sự phát triển kinh tế – xã hội của đất nước Nà Hỳ đã có giao lưu thông thương với các địa phương khác nên đời sống nhân dân đã có những cải thiện.

Về văn hoá giáo dục, Nà Hỳ có truyền thống văn hoá lâu đời luôn giữ bản sắc của dân tộc, truyền thống văn hoá của địa phương. Giáo dục đã có những phát triển đáng kể, quy mô mạng lưới trường, lớp và học sinh tăng, con em đồng bào dân tộc được tạo điều kiện học tập. Tuy nhiên, với đặc điểm hơn 90% học sinh toàn xã là người dân tộc thiểu số; hầu hết học sinh là con em các gia đình khó khăn; điểm trường học xa, giao thông không thuận tiện là những trở ngại và thách thức trong việc thực hiện các mục tiêu giáo dục của xã

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

1.1. Triển khai thực hiện nghiêm túc, chất lượng, hiệu quả biên chế năm học, các Chỉ thị của Tỉnh, của Bộ Giáo dục và Đào tạo và chủ đề năm học “**Kĩ cương – Sáng tạo – Đột phá – Phát triển**” về thực hiện nhiệm vụ năm học mới và các yêu cầu chuyên môn trong năm học. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện học sinh về mọi mặt. Chú trọng đổi mới hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ, giáo dục đạo đức lối sống, kỹ năng sống, ý thức sống cho học sinh, kỹ năng tự bảo vệ, tránh bị sa ngã, bị lừa đảo, bị sống theo các hủ tục lạc hậu.

1.2. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo về phẩm chất, lối sống, tinh thần trách nhiệm và chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Chỉ thị số 05/CT-TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

1.3. Tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh bằng nhiều hình thức như lao động áp dụng khoa học, kỹ thuật vào các hoạt động ngoại khóa như chăm sóc bồn hoa cây cảnh... Đẩy mạnh giáo dục, tuyên truyền quy định về an ninh trật tự an toàn giao thông, bảo vệ môi trường, bảo vệ các nguồn tài nguyên

nước, đất đai, khoáng sản và bảo vệ rừng; nội dung phòng chống: Tệ nạn xã hội, ma túy, tảo hôn, di dịch cư tự do, công tác phòng chống dịch trong trường. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo, gắn với đổi mới công tác quản lý.

1.4. Nâng cao tỷ lệ huy động trẻ ra lớp, duy trì sỹ số lên lớp thường xuyên; sắp xếp lại số học sinh/lớp theo quy định của Điều lệ trường học ở tất cả các khối lớp.

1.5. Thực hiện tốt chế độ chính sách đối với nhà giáo, học sinh, đảm bảo đời sống và sinh hoạt của học sinh nội trú; có biện pháp quan tâm, giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, học sinh bị bỏ rơi, phòng chống tảo hôn.

1.6. Quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục được đầu tư; quan tâm xây dựng và tôn tạo cảnh quan môi trường.

1.7. Đẩy mạnh xây dựng phong trào học tập, khuyến học, xã hội hoá giáo dục trong công tác tăng cường cơ sở vật chất, phấn đấu duy trì các tiêu chí trường đạt chuẩn Quốc gia.

1.8. Tăng cường công tác kiểm tra và tự kiểm tra nhằm thường xuyên chấn chỉnh công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ đảm bảo đúng quy định của Nhà nước và nguyên tắc chuyên môn trong ngành.

1.9. Thực hiện nghiêm túc có hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 6, lớp 7, lớp 8, lớp 9 thực hiện đổi mới giáo dục.

1.10 Triển khai hiệu quả dạy học 02 buổi/ngày theo Công văn số 4567/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức dạy học 02 buổi/ ngày đối với giáo dục phổ thông năm học 2025-2026; Công văn số 2540/SGDĐT-GDTrH ngày 24/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn một số nội dung tổ chức dạy học 02 buổi/ ngày đối với giáo dục phổ thông;

2. Mục tiêu cụ thể năm học 2025-2026

2.1. Danh hiệu thi đua

- Tập thể: Trường được UBND tỉnh công nhận trường TTXS, Bộ GD và Chính Phủ tặng Bằng khen, UBND xã tặng giấy khen;

- Cá nhân:

+ Bằng khen của UBND tỉnh: 01 đ/c

+ UBND xã khen: 11 đ/c

+ Lao động tiên tiến: 52 đ/c

+ Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở 08 đ/c.

2.2. Chất lượng học sinh năm học 2025 – 2026

- Học tập:

Loại	Năm học	2024-2025	Ghi chú
	Giỏi	$76/646 = 11,8\%$	
	Khá	$256/646 = 39,6\%$	
	Trung bình	$303/646 = 46,9\%$	
	Yếu	$11/646 = 1,7\%$	

- Rèn luyện:

Loại	Năm học	2024-2025	Ghi chú
	Tốt	$526/646 = 81,4\%$	
	Khá	$112/646 = 17,3\%$	
	Trung bình	$8/646 = 1,3\%$	

- HSG văn hóa:

+ Cấp tỉnh: 6 học sinh

+ Cấp xã: 46 học sinh

- Các cuộc thi:

+ Cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp xã: 02 giải

+ Cuộc thi Sáng tạo Thanh thiếu niên: 02 giải.

2.3. Chất lượng đội ngũ:

- Giáo viên giỏi cấp trường: 29 GV: Chủ nhiệm giỏi 06 đ/c; GV dạy giỏi cấp xã 19 đ/c, GV giỏi cấp tỉnh 02.

- Chuẩn nghề nghiệp GV loại Tốt: 32, Khá: 5

- Chuẩn hiệu trưởng: 01 tốt; chuẩn Phó HT: 02 tốt

2.4 Cấp độ nhà trường:

- Trường đủ vững CLGD mức độ 2 chuẩn Quốc gia mức độ 1

- Phổ cập GD THCS mức độ 3.

- Các Đoàn thể, Chi bộ được công nhận HTT trở lên.

2.5 Cơ sở vật chất

- Bê tông hóa, lát sân công trường (tháng 8).

- Sơn nhà lớp học (tháng 8).

2.6 Thực hiện sinh hoạt chuyên môn, các chuyên đề:

- Sinh hoạt chuyên môn các tổ thực hiện vào tuần chẵn (2 tuần/lần), sáng thứ 7.
- Sinh hoạt chuyên đề:

+ Tháng 11/2025:

Bồi dưỡng học sinh giỏi, ôn thi vào 10 (Tổ KHTN).

+ Tháng 12/2025:

Nâng cao chất lượng môn Lịch sử và Địa lí 7 (Lịch sử): Dạy thực nghiệm Bài 15. Nước Đại Ngu thời nhà Hồ (1400- 1407): Tổ KHXH.

+ Tháng 01/2026:

Nâng cao chất lượng môn KHTN khối 7 (Tổ KHTN)

+ Tháng 02/2026:

Nâng cao chất lượng dạy học trong môn Ngữ văn 8: Dạy thực nghiệm Bài 8: Nhà văn và trang viết: Tiết 103 Thực hành tiếng việt: Thành phần biệt lập.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Thực hiện chương trình môn học

1.1 Kế hoạch chung

- Căn cứ Khung phân phối chương trình giáo dục hiện hành của Bộ Giáo dục, các văn bản hướng dẫn đổi mới hoạt động chuyên môn và đề nghị của các Tổ chuyên môn, trường PTDTBT THCS Nà Hỳ ban hành kế hoạch dạy học cho các môn học như sau: Ngữ Văn, Toán, Ngoại ngữ (tiếng Anh), KHTN, Lịch sử và Địa lí, GDCC, Công nghệ, GDTC, Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật), Tin học, HĐTN-HN, GDĐP đối với khối 6,7,8,9.

- Căn cứ Quyết định số 1812/QĐ-UBND, ngày 13/8/2025 của UBND tỉnh Điện Biên Ban hành kế hoạch thời gian năm học 2025 – 2026 đối với Giáo dục Mầm non, Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên, đã quy định khung thời gian 35 tuần, trên cơ sở đảm bảo chuẩn kiến thức - kỹ năng và yêu cầu của cấp học, các tổ/ nhóm chuyên môn đã xây dựng kế hoạch dạy học chi tiết các môn học theo khung 35 tuần thực dạy, tuần 18 (HKI 1) và tuần 35 (HK 2) thời gian còn lại dành cho học bù, ngoại khóa.

- Các tổ/nhóm chuyên môn có trách nhiệm xây dựng và thực hiện kế hoạch dạy học, thiết kế tiến trình dạy học trong mỗi môn học với các nội dung,

các chủ đề dạy học, các chủ đề tích hợp, liên môn phù hợp và theo hình thức, phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực; chú trọng giáo dục đạo đức và giá trị sống, rèn luyện kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật; tăng cường các hoạt động nhằm giúp học sinh vận dụng kiến thức liên môn vào giải quyết các vấn đề thực tiễn. Việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục định hướng phát triển năng lực học sinh của mỗi tổ phải phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương và khả năng học tập của học sinh; tất cả đều được thể hiện trong biên bản họp nhóm, tổ và được Hiệu trưởng duyệt trước khi thực hiện.

1.2 Quy định thời gian học:

* Học kỳ 1: Từ ngày 8/9/2025 đến 18/01/2026

* Học kỳ 2: Từ ngày 19/01/2026 đến 31/5/2026

1.3 Quy định số tiết dạy:

TT	Môn học	Số tiết học từng môn của lớp 6			Số tiết học từng môn của lớp 7			Số tiết học từng Môn của lớp 8			Số tiết học từng môn của lớp 9		
		HK1	HK2	CN	HK1	HK2	CN	HK1	HK2	CN	HK1	HK2	CN
1	Ngữ văn	72	68	140	72	68	140	72	68	140	72	68	140
2	Toán	72	68	140	72	68	140	72	68	140	72	68	140
3	Ngoại Ngữ	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105
4	GDCD	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35
5	LS, Địa lí	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105
6	KHTN	72	68	140	72	68	140	72	68	140	72	68	140
7	Công nghệ	18	17	35	18	17	35	18	34	52	18	34	52
8	Tin học	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35
9	Nghệ thuật	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70
10	GDTC	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70
11	HD TN, HN	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105
12	GDĐP	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35

Tổng số tiết	522	493	1015	522	493	1015	522	510	1032	522	510	1032
Số tiết/tuần (cả năm học)	1015/35 tuần = 29 tiết			1015/35 tuần = 29 tiết			1032/35 tuần = 29,5 tiết			1032/ 35 tuần = 29,5 tiết		

1.4. Khung thời gian hoạt động hằng ngày (2 buổi/ ngày)

Thời gian		Hoạt động
7h– 7h15	15 phút	Sinh hoạt đầu giờ với giáo viên
7h15 -8h	45 phút	Tiết 1
8h05 -8h50	45 phút	Tiết 2
9h-9h45	45 phút	Tiết 3
9h50-10h35	45 phút	Tiết 4
10h40-11h25	45 phút	Tiết 5
11h30-12h	30 Phút	Ăn trưa
12h-13h30	1,5h	Ngủ trưa
14h00-14h45	45 phút	Tiết 1
14h50-15h35	45 phút	Tiết 2
15h45-16h30	45 phút	Tiết 3
16h30 – 16h45	15 phút	Tan học

1.4 .Kế hoạch giáo dục chi tiết các môn học

Chương trình chính khóa

TT	Môn học	Số tiết lớp 6			Số tiết lớp 7			Số tiết lớp 8			Số tiết lớp 9		
		Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2
Môn học bắt buộc													
1	Ngữ văn	140	- LL:72 - CD:0 - TN:0	- LL:68 - CD:0 - TN:0	140	- LL:72 - CD:0 - TN:0	- LL:68 - CD:0 - TN:0	140	- LL:72 - CD:0 - TN:0	- LL:68 - CD:0 - TN:0	140	- LL:72 - CD:0 - TN:0	- LL:68 - CD:0 - TN:0
2	Toán	140	- LL:67 - CD:0 - TN:5	- LL:63 - CD:0 - TN:5	140	- LL:67 - CD:0 - TN:5	- LL:63 - CD:0 - TN:5	140	- LL:72 - CD:0 - TN:5	- LL:68 - CD:0 - TN:5	140	- LL:72 - CD:0 - TN:2	- LL:68 - CD:0 - TN:3
3	Ngoại ngữ 1	105	- LL:54 - CD:0 - TN:0	- LL:51 - CD:0 - TN:0	105	- LL:54 - CD:0 - TN:0	- LL:51 - CD:0 - TN:0	105	- LL:54 - CD:0 - TN:0	- LL:51 - CD:0 - TN:0	105	- LL:54 - CD:0 - TN:0	- LL:51 - CD:0 - TN:0
4	Giáo dục công dân	35	- LL:18 - CD:0 - TN:0	- LL:17 - CD:0 - TN:0	35	- LL:18 - CD:0 - TN:0	- LL:17 - CD:0 - TN:0	35	- LL:18 - CD:0 - TN:0	- LL:17 - CD:0 - TN:0	35	- LL:18 - CD:0 - TN:0	- LL:17 - CD:0 - TN:0
5	Lịch sử và Địa lí	105	- LL:54 - CD:0 - TN:0	- LL:51 - CD:0 - TN:0	105	- LL:54 - CD:0 - TN:0	- LL:51 - CD:0 - TN:0	105	- LL:54 - CD:0 - TN:0	- LL:51 - CD:0 - TN:0	105	- LL:54 - CD:0 - TN:0	- LL:51 - CD:0 - TN:0
6	Khoa học tự nhiên	140	- LL:72 - CD:0 - TN:2	- LL:68 - CD:0 - TN:2	140	- LL:72 - CD:0 - TN:2	- LL:68 - CD:0 - TN:2	140	- LL:72 - CD:0 - TN:0	- LL:68 - CD:0 - TN:0	140	- LL:72 - CD:0 - TN:0	- LL:68 - CD:0 - TN:0
7	Công nghệ	35	- LL:18 - CD:0 - TN:0	- LL:17 - CD:0 - TN:0	35	- LL:18 - CD:0 - TN:0	- LL:17 - CD:0 - TN:0	52	- LL:27 - CD:0 - TN:0	- LL:25 - CD:0 - TN:0	52	- LL:27 - CD:0 - TN:0	- LL:25 - CD:0 - TN:0
8	Tin học	35	- LL:18 - CD:0 - TN:0	- LL:17 - CD:0 - TN:0	35	- LL:18 - CD:0 - TN:0	- LL:17 - CD:0 - TN:0	35	- LL:18 - CD:0 - TN:0	- LL:17 - CD:0 - TN:0	35	- LL:18 - CD:0 - TN:0	- LL:17 - CD:0 - TN:0
9	Giáo dục thể chất	70	- LL:36 - CD:0 - TN:0	- LL:34 - CD:0 - TN:0	70	- LL:36 - CD:0 - TN:0	- LL:34 - CD:0 - TN:0	70	- LL:36 - CD:0 - TN:0	- LL:34 - CD:0 - TN:0	70	- LL:36 - CD:0 - TN:0	- LL:34 - CD:0 - TN:0
10	Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật)	70	- LL:36 - CD:0 - TN:0	- LL:34 - CD:0 - TN:0	70	- LL:36 - CD:0 - TN:0	- LL:34 - CD:0 - TN:0	70	- LL:36 - CD:0 - TN:0	- LL:34 - CD:0 - TN:0	70	- LL:36 - CD:0 - TN:0	- LL:34 - CD:0 - TN:0
Hoạt động giáo dục bắt buộc													
11	Hoạt động trải nghiệm, hướng	105	- LL:18 - CD:18	LL:17 - CD:17	105	- LL:18 - CD:18	LL:17 - CD:17	105	- LL:18 - CD:18	LL:17 - CD:17	105	- LL:18 - CD:18	LL:17 - CD:17

	nghệ		- TN:18	- TN:17		- TN:18	- TN:17		- TN:18	- TN:17		- TN:18	- TN:17
Nội dung giáo dục của địa phương													
12	Nội dung giáo dục của địa phương	35	- LL:18 - CD:0 - TN:0	- LL:17 - CD:0 - TN:0	35	- LL:18 - CD:0 - TN:0	- LL:17 - CD:0 - TN:0	35	- LL:18 - CD:0 - TN:0	- LL:17 - CD:0 - TN:0	35	- LL:18 - CD:0 - TN:0	- LL:17 - CD:0 - TN:0
Môn học tự chọn													
13	Tiếng dân tộc thiểu số	0	- LL:0 - CD:0 - TN:0	- LL:0 - CD:0 - TN:0	0	- LL:0 - CD:0 - TN:0	- LL:0 - CD:0 - TN:0	0	- LL:0 - CD:0 - TN:0	- LL:0 - CD:0 - TN:0	0	- LL:0 - CD:0 - TN:0	- LL:0 - CD:0 - TN:0
14	Ngoại ngữ 2	0	- LL: - CD: - TN:	- LL: - CD: - TN:	0	- LL: - CD: - TN:	- LL: - CD: - TN:	0	- LL: - CD: - TN:	- LL: - CD: - TN:	0	- LL: - CD: - TN:	- LL: - CD: - TN:
Chương trình tăng cường/mở rộng													
15	Chương trình dạy học các chủ đề Giáo dục STEM												
16	Phụ đạo học sinh yếu, kém	50	- LL:26	- LL:24	50	- LL:26	- LL:24						
17	- Bồi dưỡng học sinh giỏi							60	- LL:39	- LL:21	60	- LL:39	- LL:21
Tổng số tiết học/năm học		1015	522	493	1015	522	493	1032	522	510	1032	522	510
Số tiết học trung bình/tuần		1015/35 tuần = 29 tiết			1015/35 tuần = 29 tiết			1032/35 tuần = 29,5tiết			1032/35 tuần = 29,5tiết		

Ghi chú: LL: Số tiết lên lớp; CD: Số tiết dạy học theo chủ đề; TN: Số tiết dạy học trải nghiệm;

Tổng số tiết học/năm học không bao gồm các tiết học chương trình tăng cường mở rộng.

Gợi ý về chương trình tăng cường, mở rộng:

- Chương trình Tích hợp Toán, Khoa học bằng tiếng Anh
- Chương trình dạy học các chủ đề Giáo dục STEM
- Chương trình dạy học trải nghiệm ...

- Chương trình dạy học với giáo viên người nước ngoài
- Bồi dưỡng học sinh giỏi
- Phụ đạo học sinh yếu, kém

2. Các hoạt động giáo dục

2.1. Bồi dưỡng học sinh giỏi, thi vào lớp 10.

- Nhà trường giao cho giáo viên bộ dạy môn lựa chọn học sinh giỏi khối 9 và học sinh xuất sắc khối 8 thành lập các đội tuyển để thi các môn: Ngữ văn, Toán, KHTN, Lịch sử và Địa lí, Ngoại ngữ, Tin học... và phân công giáo viên phụ trách như sau:

STT	Môn	Khối lớp	Họ tên giáo viên phụ trách
1	Toán	8,9	Lê Tuấn Hiếu, Trần Kim Chúc
2	LS&ĐL (Sử)	8,9	Trần Công Ninh, Vĩ Thị Yên
3	LS&ĐL (Địa)	8,9	Hoàng Thị Tính, Nguyễn Thanh Hiền,
4	Ngoại ngữ	8,9	Bùi Trang, Bùi Phương
5	Tin Học	8,9	Khoàng Loan, Trần Nghĩa
6	KHTN	8,9	Nguyễn Thị Ánh Phương, Bế Ich Duy Phan Thị Hào Lò Văn Diên
7	Ngữ Văn	8,9	Thiều Thị Biên Thùy Đỗ Thị Ngọc Hào Quảng Thị Dung Nguyễn Thị Hương

Đối với các khối 6,7 giáo viên dạy bồi dưỡng ngay trên lớp trong các tiết học kết hợp với giao nội dung ôn tập cho học sinh làm ở nhà hoặc trong các buổi học chuyên đề.

- Phân công ôn thi vào 10:

STT	Môn	Khối lớp	Họ tên giáo viên phụ trách
1	Toán	9	Trần Kim Chúc, Trần Hiền, Quảng Hải,
2	Ngữ văn	9	Thiều Biên Thùy Đỗ Thị Ngọc Hào Nguyễn Thị Hương

			Lường Văn Vân
3	Môn thứ 3	9	Căn cứ KH của SGD để phân công giáo viên

** Đối với BGH:*

- Giao cho đ/c Phó hiệu trưởng CM trực tiếp chỉ đạo công tác bồi dưỡng HSG, ôn thi vào lớp 10:

+ Tổ chức thực hiện kế hoạch bồi dưỡng HSG, phân công giáo viên dạy, lên thời khóa biểu, kiểm tra giáo án của giáo viên.

+ Trực tiếp theo dõi, chỉ đạo công tác bồi dưỡng của tổ CM, giáo viên dạy.

+ Cùng với tổ chuyên môn tham dự các buổi chuyên đề liên quan đến công tác ôn tập thi vào lớp 10.

** Đối với Tổ chuyên môn:*

+ Chỉ đạo giáo viên xây dựng chương trình bồi dưỡng từng bộ môn của tổ và theo dõi tiến độ chương trình bồi dưỡng.

+ Theo dõi chất lượng các lớp bồi dưỡng nhằm đảm bảo chất lượng đội tuyển, đánh giá đề xuất lựa chọn, bổ sung học sinh.

** Đối với giáo viên BDHSG, ôn thi vào lớp 10:*

+ Lập danh sách đội tuyển học sinh giỏi theo các môn

+ Thực hiện đúng theo thời khóa biểu đã phân công

+ Giáo viên dạy bồi dưỡng HS Giỏi phải có giáo án, kiểm tra vào thứ 6 hàng tuần. Giáo viên cần lựa chọn nội dung, phương pháp bồi dưỡng tốt nhất để bồi dưỡng HS đạt kết quả cao nhất.

+ Đảm bảo chất lượng, chỉ tiêu đề ra (Có 39 hs đạt HS giỏi xã, 06 HS đạt hs giỏi tỉnh).

+ Tỷ lệ hs đỗ vào các trường THPT chất lượng cao như: Lê Quý Đôn, Lương Thế Vinh, Nội trú Tỉnh 20/147 đạt 13,6%; Các trường THPT khác: 117/147 đạt 79,5%; còn lại học nghề, GDTX 10/147 đạt 6,8%.

Thời gian thực hiện:

- Dạy vào buổi chiều theo lịch của nhà trường: 2 buổi /tuần (vào thứ 5, 6

hàng tuần)

- Thời gian: Bắt đầu bồi dưỡng từ 8/9/2025 đến khi học sinh đi dự thi HSG xã, HSG tỉnh (Dự kiến thi HSG cấp xã tháng 09/11/2025, HSG cấp tỉnh tháng 12/12/2025).

- Thời gian bồi dưỡng học sinh thi vào 10 bắt đầu 19/01/2026 đến khi kết thúc năm học tập trung vào các môn: Toán, Văn, tiếng Anh.....

2.2. Phụ đạo học sinh yếu:

- Yêu cầu giáo viên bộ môn lập danh sách học sinh yếu kém đối với môn Ngữ văn, Toán, tiếng Anh. Trên cơ sở đó Đ/c Phó Hiệu trưởng phân công giáo viên có khả năng sư phạm, trình độ chuyên môn tốt, nhiệt tình, kiên trì để phụ đạo hs yếu kém. Cụ thể như sau:

STT	Môn	Khối lớp	Họ tên giáo viên phụ trách
1	Toán	6	Vũ Thị Thu, Chảo Ông San
2	Toán	7	Quảng Văn Hải,
3	Toán	8	Trần Hiền, Chảo San
4	Toán	9	Hải, Trần Hiền
5	Văn	9	Lường Vân, Nguyễn Hương
6	Văn	8	Vân, Quảng Dung
7	Văn	6,7	Lò Hà, Lú,
8	Anh	6,7,8,9	Trang, Phụng

Các môn học khác có hs yếu phụ đạo HS ngay trong giờ học, giờ truy bài

- Giao cho đ/c Phó hiệu trưởng trực tiếp chỉ đạo công tác phụ đạo hs yếu:

+ Tổ chức thực hiện kế hoạch phụ đạo, phân công giáo viên dạy

+ Trực tiếp theo dõi, kiểm tra công tác phụ đạo hs yếu

- Tổ chuyên môn: Theo dõi kết quả tiến bộ của hs yếu ở các môn học qua từng học kỳ, có giải pháp hỗ trợ gv phụ đạo hs yếu

- Đối với giáo viên phụ đạo hs yếu:

+ Lập danh sách hs yếu do mình phụ trách, theo dõi sự tiến bộ của các em từ ý thức và qua kết quả học tập trong các giờ học.

+ Có trách nhiệm phối hợp với giáo viên chủ nhiệm và gia đình học sinh thường xuyên động viên, khuyến khích các em học sinh tạo sự cố gắng thực sự trong học tập và rèn luyện ý thức đạo đức, nhằm kịp thời khắc phục tình trạng học sinh yếu kém, lười học tập...

- Giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn theo dõi sát, hướng dẫn phương pháp học tập, tổ chức truy bài đầu giờ, phối hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh để giúp đỡ học sinh yếu kém tiến bộ; thực hiện đôi bạn cùng tiến, nhóm bạn học tập...

- Thời gian thực hiện: Trong các tiết học, các giờ truy bài. Sau khi kết thúc HKI, có thể bố trí phụ đạo vào buổi chiều (1 buổi/tuần, theo lịch nhà trường)

2.3. Tham gia các hội thi chuyên môn

*** Đối với giáo viên**

- Phát động phong trào thi đua “Dạy tốt- Học tốt” trong giáo viên và học sinh vào các đợt hội giảng chào mừng các ngày lễ lớn như: Đợt 1: 20/11; Đợt 2: 26/3. Giáo viên đăng ký những tiết dự giờ thao giảng sau đó nhà trường lên lịch để giáo viên đi dự giờ học tập và rút kinh nghiệm.

Phát động phong trào viết sáng kiến trong CBGVNV, những đồng chí đã có kinh nghiệm được xếp loại ở cấp xã, tỉnh trong nhiều năm báo cáo sáng kiến của mình trước tổ. Mỗi giáo viên tự đúc rút kinh nghiệm, chịu khó học hỏi cần đầu tư trí tuệ, thời gian cho việc viết sáng kiến để có kết quả cao.

*** Đối với học sinh**

- Tham gia đầy đủ, có chất lượng các cuộc thi do ngành phát động như:
- Tham dự cuộc thi do xã đội phát động: Giao cho đ/c TPT, lựa chọn hs có năng khiếu về hát, múa, nhạc, thành lập đội tuyển, luyện tập dự thi.
- Tham dự cuộc thi học sinh giỏi các môn văn hóa lớp 9 các cấp dự kiến cấp xã tháng 11, cấp tỉnh tháng 12.
- Tham gia cuộc thi TDTT cấp trường: Giao cho đ/c dạy môn TD, thành

lập đội tuyển, luyện tập các nội dung: Nhảy cao, nhảy xa, chạy bền, cầu lông.....

- Tham dự cuộc thi "Nghiên cứu khoa học kỹ thuật ứng dụng" dành cho hs Trung học, giao cho tổ KHTN, KHXH họp bàn và lựa chọn chủ đề và hướng dẫn học sinh nghiên cứu thực hiện.

- Tham dự cuộc thi "Sáng tạo thanh thiếu niên" dành cho hs Trung học, giao cho tổ KHTN, KHXH họp bàn và lựa chọn chủ đề và hướng dẫn học sinh nghiên cứu thực hiện.

2.4 Tổ chức các hoạt động trải nghiệm

*** Hình thức tổ chức**

- Hoạt động trải nghiệm được tổ chức dưới nhiều hình thức khác nhau như hoạt động: Tổ chức trò chơi, diễn đàn, tham quan dã ngoại, các hội thi, hoạt động giao lưu, hoạt động nhân đạo, hoạt động tình nguyện, hoạt động cộng đồng, sinh hoạt tập thể, lao động công ích, thể dục thể thao, tổ chức các ngày hội,

- Giáo dục thông qua các sinh hoạt tập thể lớp, trường và các sinh hoạt theo chủ đề:

- + Sinh hoạt tập thể toàn trường gồm: chào cờ đầu tuần, mít tinh trong các ngày lễ, các ngày kỉ niệm, các hội thi, cắm trại, các cuộc giao lưu tập thể, các phong trào thi đua toàn trường vv...

- + Sinh hoạt tập thể lớp: sinh hoạt lớp theo chủ đề (theo chương trình nhà trường) sinh hoạt lớp hàng tuần, các hoạt động chung của tập thể lớp (tham quan, thi đua học tập giữa các tổ học sinh...).

- Giáo dục thông qua các hoạt động đoàn thể và hoạt động chính trị – xã hội: Các hoạt động Đoàn, Đội (theo Chương trình hoạt động của Đội TNTP, Đoàn TNCS): các phong trào của Đội Các hoạt động tập thể có tính chính trị - xã hội: Phong trào "Đền ơn, đáp nghĩa", Các hoạt động nhân đạo, tìm hiểu về Đảng, Đoàn...

- Giáo dục thông qua các hoạt động văn hoá - thể thao và vui chơi: Các hội thao, hội thi (Hội khoẻ Phù Đổng), các cuộc thi văn hoá- văn nghệ của học sinh.

- Tăng cường lòng ghép, tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống; học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; giáo dục pháp luật, giáo

dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo, giáo dục phòng chống các tệ nạn xã hội, ma túy, bảo vệ môi trường; giáo dục an toàn giao thông,... thông qua các hoạt động trải nghiệm trong nhà trường.

- Tổ chức tốt việc cho học sinh trải nghiệm ngay trong nhà trường và tại địa phương, học sinh có bài thu hoạch sau khi được trải nghiệm.

- Thực hiện nghiêm túc phòng chống dịch covid khi tổ chức các hoạt động.

** Tổ chức thực hiện:*

- BGH nhà trường xây dựng kế hoạch phối hợp Ban ĐDCMHS về tổ chức hoạt động trải nghiệm cho tất cả học sinh toàn trường theo kế hoạch thời gian năm học của trường.

- Phân công PHT phụ trách hoạt động phong trào phối hợp với TPT của trường xây dựng kế hoạch cụ thể về hoạt động trải nghiệm, trình BGH và BĐDCMHS trường phê duyệt kế hoạch thực hiện.

- Giao nhiệm vụ cho GVCN các khối lớp phối hợp với Ban ĐDCMHS lớp, GVBM thực hiện các hoạt động trải nghiệm

CÁC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM CHÍNH TRONG NĂM HỌC

TT	Tháng/Chủ điểm	Nội dung, hình thức	Tổ thực hiện	Ghi chú
1	9/2025 Khai giảng	Em yêu trường em...	TPT	
2	10/2025 Phụ nữ Việt Nam	- Sân khấu hóa: Hát, múa, thi tìm hiểu ngày 20/10	BMC	
3	11/2025 Nhớ ơn Thầy, Cô	- Sân khấu hóa: Văn nghệ Hát, múa, kể chuyện chào mừng ngày 20/11	Liên đội kết hợp Tổ KHTN	
4	12/2025 Uống nước nhớ nguồn	- Sân khấu hóa: Văn nghệ, kể cở Bác Hồ, các anh hùng dân tộc. - Giới thiệu một số di tích lịch sử.	Tổ KHXH	

5	01/2026 Chào năm mới 2026	Sân khấu hóa: văn nghệ, các hoạt động chào mừng năm mới.	Tổ KHTN	
6	02/2026 Mừng Đảng quang vinh	Sân khấu hóa: văn nghệ, các hoạt động mừng Đảng- mừng Xuân	Tổ KHXH	
7	03/2026 Tiến bước lên Đoàn	- Sân khấu hóa: Văn nghệ, các hoạt động chào mừng ngày thành lập đoàn 26/3	Đoàn TNCSHCM,TPT	
8	04/2026 Đất nước trọn niềm vui	- Sân khấu hóa: Văn nghệ, các hoạt động về các ngày giải phóng Miền nam, Điện Biên Phủ.	Tổ KHXH	
9	05/2026 Ngày hội non sông	- Sân khấu hóa: Văn nghệ, các hoạt động về việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; tổ chức các hoạt động nhân dịp kỷ niệm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh.	Tổ BMC	

3. Chương trình giáo dục nhà trường

3.1. Đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, đổi mới kiểm tra, đánh giá.

** Đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học*

- Dựa trên tình hình thực tế của nhà trường, Phó Hiệu trưởng chỉ đạo các tổ, nhóm chuyên môn xây dựng và thực hiện kế hoạch dạy học, thiết kế tiến trình dạy học trong mỗi môn học với các nội dung, các chủ đề dạy học, chủ đề tích hợp, liên môn phù hợp và theo hình thức, phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực..

- Tiếp tục vận dụng triệt để, hiệu quả các phương pháp dạy học và các kỹ thuật dạy học tích cực để thực hiện dạy học theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh.

- Tăng cường rèn luyện cho học sinh phương pháp tự học, tự nghiên cứu sách giáo khoa để tiếp nhận và vận dụng kiến thức mới thông qua giải quyết

nhiệm vụ học tập đặt ra trong bài học; dành nhiều thời gian trên lớp cho học sinh luyện tập, thực hành, trình bày, thảo luận, bảo vệ kết quả học tập của mình; giáo viên tổng hợp, nhận xét, đánh giá, kết luận để học sinh tiếp nhận và vận dụng. Chú trọng rèn luyện kỹ năng và định hướng thái độ, hành vi cho học sinh; khắc phụ lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc.

- Mọi giáo viên đều phải có ý thức sử dụng đồ dùng dạy học như tranh ảnh, mẫu vật, bảng phụ,Đảm bảo sử dụng đồ dùng dạy học hiệu quả cho các tiết học có đồ dùng thí nghiệm, chống dạy chay, khuyến khích tự làm đồ dùng.

- Khuyến khích GV có ý thức ứng dụng CNTT để đổi mới phương pháp dạy học và những GV biết sử dụng phần mềm dạy học. Trong năm học 2025 - 2026 mỗi giáo viên phải có ít nhất 2 bài giảng UDCNTT.

- Thực hiện giờ hội giảng: mỗi giáo viên thực hiện ít nhất 2 tiết thao giảng/1 năm học đảm bảo có đầy đủ các thành viên trong tổ dự. Tổ chức hội giảng các tiết (bài) khó để tổ, nhóm đóng góp ý kiến, rút kinh nghiệm, tạo điều kiện để giáo viên thể hiện năng lực, học tập trao đổi kinh nghiệm về giảng dạy, tổ chức lớp học hiệu quả.

- Chỉ đạo giáo viên và học sinh tích cực tham gia các hoạt động chuyên môn trên trang mạng "Trường học kết nối" về xây dựng các chuyên đề dạy học tích hợp, liên môn; đổi mới phương pháp, hình thức dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh

- BGH cùng tổ chuyên môn thường xuyên dự giờ đột xuất, kiểm tra việc thực hiện quy chế chuyên môn, sử dụng đồ dùng dạy học của giáo viên nhằm tư vấn, giúp đỡ để giáo viên có phương pháp dạy tốt.

**** Chỉ đạo tích cực đổi mới kiểm tra, đánh giá***

- Tiếp tục đổi mới kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh. Chú trọng đánh giá thường xuyên đối với tất cả các học sinh: đánh giá qua các hoạt động trên lớp; đánh giá bằng hồ sơ học tập; vở học tập; đánh giá qua việc học sinh báo cáo kết quả thực hiện một dự án học tập, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật; báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm; đánh giá thông qua các bài thuyết trình về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập. *Giáo viên*

có thể sử dụng các hình thức đánh giá nói trên thay cho các bài kiểm tra hiện hành.

- Thực hiện nghiêm túc việc xây dựng đề thi, kiểm tra theo ma trận. Đề kiểm tra bao gồm các câu hỏi, bài tập (tự luận hoặc/ trắc nghiệm) theo 4 mức độ yêu cầu: Nhận biết, Thông hiểu, Vận dụng, Vận dụng cao. Chỉ đạo việc ra các câu hỏi trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn đúng thay vì chỉ có các câu hỏi 1 lựa chọn đúng như trước đây.

- Tất cả các môn, tất cả các lớp, trong mỗi học kỳ tuyệt đối không dùng một hình thức tự luận hay trắc nghiệm khách quan để kiểm tra đánh giá học sinh. Chủ động kết hợp một cách hợp lý, phù hợp giữa hình thức TN tự luận với trắc nghiệm khách quan, giữa kiểm tra lý thuyết và kiểm tra thực hành trong các bài kiểm tra.

- Đề kiểm tra phải đưa vào ngân hàng đề, được tổ chuyên môn, BGH ký duyệt mới kiểm tra.

- Tổ chức thực hiện chặt chẽ, nghiêm túc, đúng quy chế ở tất cả các khâu ra đề, coi, chấm và nhận xét, đánh giá học sinh; đảm bảo thực chất, khách quan, trung thực, công bằng, đánh giá đúng năng lực và sự tiến bộ của học sinh.

- Khi chấm bài kiểm tra nhất thiết phải có phần nhận xét, hướng dẫn, sửa sai, động viên sự cố gắng, tiến bộ của học sinh. Việc cho điểm có thể kết hợp giữa đánh giá kết quả bài làm với theo dõi sự cố gắng, tiến bộ của học sinh

- Nghiêm túc sử dụng phần mềm quản lý thi, kiểm tra đã cấp cho nhà trường trường máy chấm thi trắc nghiệm.

- Thực hiện đánh giá xếp loại hai mặt giáo dục của học sinh theo đúng Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT, ngày 20/7/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định đánh giá học sinh THCS và THPT.

3.2. Đổi mới sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn

- Tiếp tục thực hiện đổi mới nội dung sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn: nội dung sinh hoạt chuyên môn phải thể hiện rõ trong các nghị quyết họp tổ, nhóm. Thực hiện sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn 2 lần/ tháng;

- Tăng cường sinh hoạt tổ (nhóm) chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học và tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường. Khuyến khích giáo viên

bộ môn tham dự sinh hoạt chuyên môn trao đổi qua diễn đàn trên mạng tại trang truonghocketnoi.com.

- Tăng cường hoạt động dự giờ thăm lớp trong năm học 2025-2026; đảm bảo nền nếp, chất lượng sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học.

- BGH kết hợp với 2 tổ chuyên môn ký duyệt kế hoạch dạy học mỗi tuần 1 lần vào sáng thứ 6 hàng tuần.

- BGH, tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn kiểm tra kế hoạch tổ/nhóm chuyên môn và kế hoạch dạy học của giáo viên phải có nhận xét đầy đủ, chịu trách nhiệm về nội dung mình kiểm tra. BGH duy trì nền nếp ký duyệt, nhận xét Sổ ghi kế hoạch giảng dạy của giáo viên trong ngày thứ 2 đầu tuần. Giáo viên bộ môn phải đăng ký bài dạy của tuần chậm nhất vào tiết 1 ngày thứ 2 hàng tuần, kế hoạch ghi bài dạy không tẩy xóa, báo đúng, đủ, chính xác.

Mỗi tổ chuyên môn thực hiện tối thiểu 02 chuyên đề/năm học. Vận dụng các chuyên đề này một cách thiết thực nhằm đẩy mạnh chất lượng giảng dạy trong nhà trường. Sinh hoạt chuyên môn vào sáng thứ 7.

3.3. Dạy môn học tự chọn

Không thực hiện

3.4. Tổ chức dạy học ngoại ngữ (môn Tiếng Anh)

- Triển khai thực hiện giảng dạy chương trình tiếng Anh theo CT GDPT 2018 đối với tất cả các khối lớp từ lớp 6 đến lớp 9.

- Đảm bảo dạy đủ, đúng chương trình môn tiếng anh từ lớp 6 đến lớp 9.

- Bố trí thời gian để giáo viên Tiếng Anh tự học tập nâng cao trình độ và phương pháp giảng dạy.

- Bồi dưỡng giúp đỡ giáo viên Tiếng Anh để nâng cao trình độ và phương pháp giảng dạy để đáp ứng với việc thực hiện Đề án ngoại ngữ Quốc gia.

- Chỉ đạo giáo viên dạy đủ 4 kỹ năng giao tiếp ngoại ngữ, đặc biệt là kỹ năng nghe, nói.

- Chỉ đạo giáo viên kiểm tra đánh giá môn Tiếng Anh theo định hướng phát triển năng lực học sinh, đa dạng hóa các hình thức kiểm tra, đánh giá với đủ

4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết ngay trong các tiết dạy trên lớp; đưa kỹ năng Nghe thành Kỹ năng bắt buộc của các bài kiểm tra định kỳ, cuối kỳ.

3.5. Nhiệm vụ giáo dục học sinh hòa nhập:

- Trường tiếp nhận tất cả HS khuyết tật, hòa nhập theo nguyện vọng của PH và học sinh. Năm học 2025 - 2026 trường có 01 hs khuyết tật, hòa nhập.
- Có đủ hồ sơ theo dõi giáo dục đối với học sinh hòa nhập (nếu có HS).
- Vận dụng linh hoạt quy chế đánh giá, tạo điều kiện để các em được tham gia các hoạt động tập thể cùng các bạn (nếu có HS).
- Phối hợp với PHHS để tra đổi chia sẻ, giúp đỡ hs (nếu có HS).

3.6. Công tác giáo dục hướng nghiệp và dạy nghề phổ thông

- Tiếp tục tuyên truyền nâng cao nhận thức về công tác giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh ở trong và ngoài nhà trường; đổi mới phương pháp và hình thức hoạt động giáo dục hướng nghiệp, đáp ứng mục tiêu phân luồng học sinh THCS.

- Phối hợp với các trung tâm GDNN – GDTX xã Mường Nhé, trường Cao đẳng Nghề (cơ điện) tỉnh để tuyên truyền với học sinh thông qua buổi sinh hoạt dưới cờ hoặc bố trí một buổi họp riêng với đối tượng học sinh cuối cấp, hoặc tổ chức cho HS khối 9 tham quan tại các lớp cơ điện, trồng trọt do trường Cao đẳng nghề phối hợp với GDNN-GDTX xã, nhằm giúp các em hiểu hơn về nhu cầu tuyển dụng phù hợp ngành nghề hiện nay và giúp cho phụ huynh và học sinh thấy được lợi ích của công tác tư vấn nghề.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động học sinh và phụ huynh theo học ở các trường nghề; phân công trách nhiệm cho giáo viên chủ nhiệm khối lớp 9 nắm bắt thông tin từng học sinh qua những kỳ kiểm tra cuối năm, phối hợp với giáo viên bộ môn phân loại trình độ từng học sinh, từ đó định hướng cho các em lựa chọn thi tiếp vào THPT hoặc theo học nghề tại trung tâm GDTX, trường Cao đẳng nghề của tỉnh.

3.7 KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG HÀNG THÁNG

Tháng	Nội dung công việc chính	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành	Người chịu trách nhiệm
8	1. Công tác chuyên môn			
	- Hợp đầu năm quán triệt sau nghỉ hè	1/8	1/8	HT
	- Hợp hội đồng triển khai các văn bản, chỉ thị điều lệ, kế hoạch năm học, công tác chuẩn bị cho đầu năm học.	9/8	9/8	CBQL, GV
	- Bồi dưỡng chính trị .	28/8	28/8	CBQL, GV
	- Bồi dưỡng chuyên môn hè	29/8	29/8	BGH, GV
	- Xếp lớp học sinh mới tuyển, điều chỉnh biên chế các lớp học sinh toàn trường.	29/8	29/8	BGH
	- Thành lập các tổ chuyên môn, các ban, phân công chuyên môn, kiêm nhiệm cho cán bộ ,giáo viên, QĐ thành lập các Ban nội trú.	30/8	30/8	HT
	- Xếp thời khóa biểu, chuẩn bị cho khai giảng	31/8	31/8	P.HT
	- Cung ứng văn phòng phẩm và hồ sơ, sổ sách, kế hoạch chuyên môn nghiệp vụ	31/8	31/8	TV
	2. Công tác Bán trú			
	-Xét chế độ bán trú cho học sinh	21/8	21/8	HT
	- Xét hợp đồng nhân viên	31/8	31/8	HT
	- Tu sửa trường lớp, phòng nội trú các đk khác chuẩn bị đón hs	15/8	31/8	HPCSVC
	3. Công tác xây dựng CSVC			
	- Bê tông khu nội trú (100 m ²)	15/8	15/8	HPCSVC
9	4. Công tác khác	21/8	30/8	GV
	- Điều tra phổ cập	26/8	27/8	GV
	- Chiêu sinh hs			
	1. Công tác chuyên môn			
	- Tụ trường	03/9	03/9	GVCN

	- Khai giảng năm học.	05/9	5/9	BGH
	- Học chính thức	8/9	8/9	BGH, GVCN
	- Khảo sát chất lượng đầu năm.	19/9	19/9	HPCM
	- Hoàn thiện các hồ sơ đầu năm.	22/9	22/9	CBCNVC
	- Duyệt đề cương, tổ chức ôn tập HSG.	23/9	23/9	HPCM
	- Kiểm tra hồ sơ CM	25/9	25/9	Ban TTr
	- Dự chuyên đề cụm	27/9	27/9	HPCM
	- Tổ chức giao chỉ tiêu năm học	30/9	30/9	HPCM
	2. Công tác Bán trú			
	- Xét chế độ BT,CPHT.	15/9	15/9	HP CSVC
	- Hoàn thành hồ sơ phổ cập (phần mềm).	20/9	20/9	HP CSVC
	- Họp, ký hợp đồng thực phẩm tháng 10	30/9	30/9	HT
	3. Công tác xây dựng CSVC	6/9	14/9	Tổ VP
	- Tu sửa hệ thống đường nước	6/9	30/9	Đội TN
	- Chăm sóc bồn hoa cây cảnh			
	4. Công tác khác	16/9	16/9	BGH, GVCN
	- Tổ chức họp phụ huynh (các lớp)	16/9	20/9	Y tế, GVCN
	- Khám và lập sổ theo dõi sức khỏe học sinh	30/9	30/9	HT
	- Tổ chức hội nghị cán bộ công chức và ký cam kết thi đua năm học			
10	1. Công tác chuyên môn			
	- Duyệt đề	01/10	31/10	HPCM
	- Tổ chức học phụ đạo cho học sinh	6/10	31/10	HPCM
	- Trao giảng , Hội thi GV giỏi cấp trường.	20/10	18/11	HPCM
	- Tổ chức thi HS giỏi các môn văn hóa cấp trường khối 8,9	22/10	22/10	HPCM
	2. Công tác Bán trú			
	- Hoàn thiện hồ sơ Bán trú tháng 9	1/10	5/10	HP CSVC
	- Kiểm tra hồ sơ Bán trú	25/10	26/10	Ban TTr

	- Hợp, ký hợp đồng thực phẩm tháng 11	29/10	29/10	HT
	3. Công tác xây dựng CSVC			
	-Tu sửa phòng nhà tắm	7/10	12/10	HPCSV
	4. Công tác khác			
	-Tổ chức trung thu cho các em học sinh	6/10	6/10	ĐTN
	- Tổ chức kỉ niệm ngày 20/10	20/10	20/10	HT
	- Hợp hội đồng	31/10	31/10	HT
11	1. Công tác Chuyên môn	01/11	01/11	HT
	- Công nhận học sinh giỏi các môn văn hóa cấp trường lớp 8, lớp 9			
	- Thành lập Đội tuyển thi HS giỏi các môn văn hóa lớp 8, lớp 9 cấp xã.	03/11	03/11	HT
	- Tổ chức chuyên đề cụm	8/11	8/11	HPCM
	- Tham dự thi HS giỏi các môn văn hóa cấp xã	17/11	29/11	Ban TTr
	- Kiểm tra theo kế hoạch CM	23/11	23/11	HPCM, GV
	2. Công tác Bán trú			
	- Duyệt, kiểm tra hồ sơ BT tháng 10	02/11	02/11	HPCSV
	- Hợp, ký hợp đồng thực phẩm tháng 12	28/11	28/11	HT
	3. Công tác xây dựng CSVC			
	Chăm sóc bồn hoa, cây cảnh	2/11	12/11	HPCSV
	4. Công tác khác			
	- Sơ kết thi đua đợt I.	18/11	18/11	HĐTĐ
	- Tổ chức kỷ niệm 43 năm ngày nhà giáo VN.	20/11	20/11	BGH, GV
12	- Phát động phong trào thi đua chào mừng ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam.	20/11	20/11	HT
	- Rà soát các tiêu chí trường chuẩn QG	30/11	30/11	HT
	1. Công tác chuyên môn			
	- Ôn tập học kì I	02/12	13/12	HPCM
	- Tham dự thi HSG cấp tỉnh	12/12	12/12	HPCM

	- Tổ chức in, sao đề kiểm tra các môn	12/12	12/12	HPCM
	- Thi các môn do nhà trường ra đề	15/12	17/12	HT
	- Tổ chức thi các môn do xã ra đề	18/12	19/12	HĐ thi
	- Tham dự thi KHKT cấp xã	25/12	27/12	GV, HS
	2. Công tác Bán trú			
	- Duyệt và hoàn thiện chứng từ tháng 11	02/12	03/12	HPCSV
	- Quyết toán các chế độ thuộc 4 tháng cuối năm 2025.	29/12	30/12	HT
	- Hợp, xét hợp đồng tháng 01/2026	30/12	30/12	HT
	3. Công tác xây dựng CSVC			
	Đoán Đoàn thẩm định trường chuẩn QG	22/12	23/12	HT
	4. Công tác khác	22/12	22/12	ĐTN
	- Hưởng ứng kỉ niệm các HĐ ngày 22/12	23/12	23/12	HĐNL
	- Xét duyệt nâng lương đợt 2 trong năm	26/12	26/12	HPCM
	- Kê khai giờ thừa học kỳ I	30/12	30/12	HĐTĐ
	- Sơ kết thi đua đợt 2			HT
1	1. Công tác chuyên môn			
	- Đánh giá thi đua khen thưởng HS học kì I	11/1	11/1	HĐTĐ
	- Duyệt đề cương ôn thi lớp 10	11/1	11/1	HPCM
	- Tổ chức hội nghị cha mẹ học sinh giữa năm	18/1	18/1	BGH, GVCN
	- Điều chỉnh phân công giảng dạy	17/1	17/1	HPCM
	- Sơ kết học kỳ I, quán triệt phương hướng nhiệm vụ học kỳ theo hướng dẫn chỉ đạo	19/1	19/1	HT
	- Tái giảng học kỳ II	19/1	19/1	HT
	- Kiểm tra theo kế hoạch về CM	26/1	31/1	BTTTr
	- Tham dự chuyên đề cụm số 12	24/01	24/01	HPCM
	2. Công tác Bán trú	27/1	1/1	BTTTr
	- Kiểm tra hồ sơ BT, các chế độ HS trong học kỳ I			HT

	- Hợp, hợp đồng tháng 02	30/1	30/1	HPCSV
	3. Công tác xây dựng CSVC	01/1	10/1	HT
	Hoàn thiện các nội dung Đoàn ĐGN chỉ ra	26/01	30/2	HT
	4. Công tác khác	25/1	25/1	
	- Chuẩn bị các đk trước khi nghỉ Tết ND			
2	1. Công tác chuyên môn			
	- Phụ đạo học kì II	02/2	27/2	HPCM
	- Kiểm tra hoạt động chuyên môn	25/2	27/2	Ban TTr
	2. Công tác Bán trú			
	- Kiểm tra công tác Bán trú	26/2	27/02	Ban TTr
	3. Công tác xây dựng CSVC			
	Chăm sóc bồn hoa, cây cảnh	02/2	27/2	HPCSV
	4. Công tác khác			
	- Nghỉ Tết âm lịch	14/2	22/2	BGH, GV
	- Vận động hs sau tết	24/2	25/2	BGH, GVCN
3	1. Công tác chuyên môn			
	- Thao giảng vòng trường đợt 2	2/3	20/3	HPCM
	- Tham dự chuyên đề tổ	7/3	7/3	HPCM
	- Hướng dẫn học sinh lớp 9 phân luồng	23/3	27/3	HPCM
	2. Công tác Bán trú			
	- Rà soát lại các điều kiện PCCC, lên phương án phòng chống cháy nổ.	3/3	3/3	HPCSV
	- Kiểm tra các ĐK đảm bảo an toàn về thực phẩm trong mùa nóng.	6/3	10/3	HPCSV
	3. Công tác xây dựng CSVC			
	Kiểm tra, sửa chữa các thiết bị dùng điện tại lớp học và phòng nội trú để tránh hỏa hoạn mùa khô	18/3	19/3	HPCSV
	4. Công tác khác			
	- Tổ chức kỉ niệm 8/3			

	- Tổ chức các hoạt động TDTT cấp trường - Tổ chức các hoạt động kỉ niệm ngày thành lập ĐTNCS Hồ Chí Minh - Phát động phong trào thi đua chào mừng ngày giải phóng miền nam 30/4, ngày sinh nhật Bác 19/5. - Kiểm tra các Đoàn thể	8/3 16/3 26/3 30/3 30/3	8/3 25/3 26/3 30/3 30/3	ĐTN Đội TN Đoàn TN HĐTB Ban TTr
4	1. Công tác chuyên môn - Hướng dẫn ôn tập cho học sinh cuối học kỳ II. - Điều chỉnh chương trình giảng dạy - Kiểm tra công tác lấy điểm của GV - Tham dự thi KHKT cấp xã - Tổ chức ra đề những môn do trường tổ chức thi. - Tổ chức thi HSG khối 6, khối 7 - Kiểm tra hồ sơ học sinh lớp 9. 2. Công tác Bán trú - Kiểm tra chứng từ ăn tháng 3, điều chỉnh Kế hoạch ăn tháng 4. 3. Công tác xây dựng CSVC - Lên phương án cho kịch bản thiếu nước vào mùa khô, tiếp tục kiểm tra công tác PCCC 4. Công tác khác - Nghi giỗ Tổ Hùng Vương - Nghi 30/4, 01/5	01/4 1/4 6/4 13/4 20/4 22/4 29/4 1/4 3/4 7/4 7/4 30/4	4/4 1/4 10/4 13/4 24/4 24/4 29/4 1/4 7/4 7/4 01/5	CM ,GV, HS HPCM HPCM HPCM HĐKThí HT HPCM HPCSV HPCSV HT HT
5	1. Công tác chuyên môn - Tổ chức thi các môn do nhà trường ra đề - Kiểm tra học kỳ II các môn do xã ra đề - Họp phụ huynh khối 9. - Kiểm tra hồ sơ lớp 9	4/5 12/5 16/5 16/5	6/5 14/5 17/5 16/5	HPCM Hội đồng KT GVCN HPCM

	- Xét tốt nghiệp lớp 9.	22/5	22/5	HĐXTN
	2. Công tác Bán trú			
	- Kiểm tra hồ sơ Bán trú, quyết toán tiền ăn	29/5	29/5	HPCSVT
	3. Công tác xây dựng CSVC			
	- Kiểm tra CSVC, lên phương án tu sửa trước khi nghỉ hè	26/5	31/5	HPC SVC
	4. Công tác khác			
	- Sơ kết thi đua	22/5	22/5	HĐTĐ
	- Tổng kết cuối năm.	28/5	28/5	HT
6	- Hoàn thiện các loại báo cáo, hồ sơ thi đua.	29/5	29/5	BGH-CD
	- Hợp hội đồng	29/5	29/5	HT
	- Kiểm tra , duyệt học sinh lên lớp, ở lại lớp ,thi lại, ký học bạ.	1/6	1/6	BGH GV, HS
	- phân công giáo viên trực hè, nghỉ phép.	1/6	1/6	HT
	- Trả hồ sơ cho học sinh lớp 9	2/6	3/6	VT
	- Tuyên truyền tới cha mẹ học sinh về tuyển sinh đầu cấp.	5/6	5/6	BGH- GV

*** Phần điều chỉnh kế hoạch:**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3.8. KẾ HOẠCH TỔNG HỢP CỦA NĂM HỌC

Tháng		9-2025					10-2025				11-2025				12-2025					01-2026				02-2026				3-2026				4-2026					5-2026					
Khối	Tuần	01	08	15	22	29	06	13	20	27	03	10	17	24	01	08	15	22	29	05	12	19	26	02	09	16	23	03	06	13	20	27	04	11	18	25						
	Môn	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	03	10	17	24	31	07	14	21	28	07	14	21	28	04	11	18	25	02	09	16	23	30		
6	Văn		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	Các hoạt động khác					4	4	4	4		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4			
	Toán		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4						4	4	4	4		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4			
	NN		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3						3	3	3	3		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			
	GD		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1						1	1	1	1		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1			
	LS-ĐL		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3						3	3	3	3		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			
	KHT N		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4						4	4	4	4		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4			
	CN		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1						1	1	1	1		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1			
	Tin		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1						1	1	1	1		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1			
	GDT C		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2						2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
	NT		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2						2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
	HĐT NHN		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3						3	3	3	3		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		
	GĐĐ P		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1						1	1	1	1		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		
																					Nghỉ Tết Nguyên đán						4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4		
																										4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4			
																									3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	
																									1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	
																									3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	
																									1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		
																									4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4		
																									1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		
																									2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
																									2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
																									3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	

Ghi chú: K: Khai giảng TN: Trải nghiệm C: Dạy theo chủ đề B: Bế giảng
 D: Dạy trên lớp N: Ngoại khóa T: Thi

Tháng		9-2025				10-2025				11-2025				12-2025				01-2026				02-2026				3-2026				4-2026				5-2026			
Khởi	Tuần	0	0	1	2	2	0	1	2	2	0	1	2	2	0	1	2	2	0	1	2	2	0	1	2	2	0	1	2	2	0	1	2				
		1	8	5	2	9	6	3	0	7	1	8	5	2	9	6	3	0	7	1	8	5	2	9	6	3	0	7	1	8	5	2					
	Môn	0	1	2	2	0	1	1	2	0	1	2	2	0	1	1	2	0	1	2	2	0	1	2	2	0	1	1	2	0	1	2	3				
		6	3	0	7	4	1	8	5	1	2	6	3	0	7	4	1	8	5	1	2	6	3	0	7	4	1	1	8	5	2	9	6	3	0		
8	Văn	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4				
	Toán	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4				
	NN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3				
	GD	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1				
	LS-ĐL	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3				
	KHTN	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4				
	CN	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2				
	Tin	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1				
	GDT _C	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2				
	NT	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2				
	HĐT _{NHN}	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3				
	GDP	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1				

Ghi chú: K: Khai giảng TN: Trải nghiệm C: Dạy theo chủ đề B: Bế giảng

D: Dạy trên lớp N: Ngoại khóa T: Thi

Tháng		9-2025					10-2025				11-2025				12-2025					01-2026				02-2026				3-2026				4-2026					5-2026				
Khối	Tuần	0 1	0 8	1 5	2 2	2 9	0 6	1 3	2 0	2 7	0 3	1 0	1 7	2 4	0 1	0 8	1 5	2 2	2 9	0 5	1 2	1 9	2 6	0 2	0 9	1 6	2 3	0 2	0 9	1 6	2 3	3 0	0 6	1 3	2 0	2 7	0 4	1 1	1 8	2 5	
	Môn	0 6	1 3	2 0	2 7	0 4	1 1	1 8	2 5	0 1	0 8	1 5	2 2	2 9	0 6	1 3	2 0	2 7	0 3	1 0	1 7	2 4	3 1	0 7	1 4	2 1	2 8	0 7	1 4	2 1	2 8	0 4	1 1	1 8	2 5	0 2	0 9	1 6	2 3	3 0	
9	Văn		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	Các hoạt động khác	4	4	4	4		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	
	Toán		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4		4	4	4	4		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4		
	NN		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		
	GD		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		1	1	1	1		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		
	LS- ĐL		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		
	KHT N		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4		4	4	4	4		4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4		
	CN		2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1	1	1	1	1		1	2	2	2	2		2	2	2	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1		
	Tin		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		1	1	1	1		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		
	GDT C		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
	NT		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	
	HĐT NHN		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	
	GDD P		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1		1	1	1	1		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1

Ghi chú: K: Khai giảng TN: Trải nghiệm C: Dạy theo chủ đề B: Bế giảng
D: Dạy trên lớp N: Ngoại khóa T: Thi

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công tác quản lý, chỉ đạo

- Hiệu trưởng thành lập các Ban chỉ đạo khi tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục theo quy định.
- Xây dựng và triển khai các kế hoạch hoạt động giáo dục trong toàn thể CB-GV- NV trong các phiên họp Hội đồng sư phạm, phân công trách nhiệm cụ thể cho các cá nhân, bộ phận phụ trách tổ chức thực hiện.
- Tổ chức kiểm tra việc thực hiện các hoạt động giáo dục theo kế hoạch, đảm bảo thực hiện các hoạt động đúng tiến độ, có hiệu quả.
- Sau mỗi học kì, nhà trường tổ chức họp rút kinh nghiệm, điều chỉnh bổ sung kế hoạch, nội dung và công tác tổ chức.
- Thực hiện công khai tất cả các hoạt động của nhà trường trong quá trình tổ chức thực hiện để nhận được sự phối hợp tốt từ phụ huynh học sinh và các ban ngành đoàn thể xã hội nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục của nhà trường.
- Phát huy vai trò của tổ trưởng chuyên môn, phụ trách các bộ phận trong việc tổ chức thực hiện và kiểm tra đánh giá các hoạt động.

2. Công tác kiểm tra

- Thực hiện công tác kiểm tra nội bộ, công tác kiểm tra hoạt động sư phạm của nhà giáo, đảm bảo việc chấp hành nghiêm túc quy chế chuyên môn theo kế hoạch.
- Phân công phó hiệu trưởng, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch giảng dạy kiểm tra lịch báo giảng, sổ đầu bài hằng tuần, phó hiệu trưởng cùng các tổ trưởng chuyên môn, tổ phó chuyên môn kiểm tra chuẩn bị kế hoạch bài học (giáo án), kiểm tra nội dung và phương pháp giảng dạy của giáo viên thông qua dự giờ tiết dạy, các tiết thao giảng, chuyên đề.
- Phân công phó hiệu trưởng thường xuyên kiểm tra sinh hoạt của tổ nhóm chuyên môn thông qua việc tham dự các buổi sinh hoạt của tổ, kiểm duyệt biên bản họp tổ nhóm hoặc kế hoạch thực hiện công tác hằng tuần.
- Kiểm tra trường xuyên việc sử dụng thiết bị dạy học, sử dụng phòng học bộ môn, ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng các phương tiện hiện đại trong dạy học thông qua báo cáo và sổ theo dõi của bộ phận thiết bị.
- Kiểm tra việc thực hiện hồ sơ, sổ sách trong nhà trường theo yêu cầu tại công văn số 68/BGDĐT-GDTrH ngày 07/01/2014 của Bộ GDĐT. Tổ chức kiểm

tra hồ sơ chuyên môn của giáo viên 1 lần/học kỳ, kiểm tra hồ sơ của tổ nhóm chuyên môn ít nhất 1 lần/học kỳ.

3. Chế độ thông tin, báo cáo

- Thiết lập đầy đủ các loại hồ sơ, sổ sách theo đúng qui định. Sử dụng, lưu trữ và bảo quản tốt.
- Theo dõi, thống kê - tổng hợp và báo cáo kịp thời các mặt hoạt động của nhà trường cho Hiệu trưởng và cấp trên.

Trên đây là kế hoạch giáo dục năm học 2025-2026 của trường PTDTBT THCS Nà Hỳ. Kế hoạch có thể thay đổi tùy theo yêu cầu công tác và tình hình thực tế của nhà trường.

Nơi nhận:

- UBND xã (b/c);
- PHT, Tổ CM (t/h);
- Lưu: VT

HIỆU TRƯỞNG



★ **Trần Hoàng**